

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2018/HS-PT

Ngày: 30-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn;
Ông Nguyễn Xuân Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 202/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Trịnh Xuân H và bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Do có kháng cáo của các bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trịnh Xuân H, sinh ngày 04/02/1985 tại Gia Lai; nơi cư trú: xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ 6/12; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân B (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1947 ; vợ là Lê Thị H, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2011; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số 39/2013/HSST ngày 04/9/2013 của Tòa án huyện I, tuyên phạt 05 năm tù giam về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", thi hành án tại Trại giam G, ngày 13/02/2017 chấp hành xong hình phạt; tiền sự: không;

Về nhân thân: Ngày 29/5/2005, phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", tại Bản án số 30/2006/HSST ngày 29/9/2006 bị Tòa án huyện I tuyên phạt 08 tháng tù giam; ngày 19/12/2005, phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tại Bản án số 37/2006/HSST ngày 13/12/2006 của Tòa án huyện I tuyên phạt 12 tháng tù

giam; ngày 12/9/2005, phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tại Bản án số 25/2006/HSST ngày 25/8/2006 của Tòa án huyện I tuyên phạt 10 tháng tù giam; tại Bản án hình sự phúc thẩm số 04/2007/HSPT ngày 30/01/2007 của Tòa án tỉnh Gia Lai, y án 10 tháng tù giam, thi hành án tại Trại giam Đ, ngày 02/12/2008 chấp hành xong hình phạt. (Đã được xóa án tích); Ngày 18/6/2009, phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tại Bản án số 34/2009/HSST ngày 01/12/2009 của Tòa án huyện I, tuyên phạt 05 tháng 13 ngày tù giam, được trả tự do tại phiên tòa (Đã được xóa án tích).

Bị bắt ngày 30/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T20 - Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh ngày 06/6/1985 tại Gia Lai; nơi cư trú: xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964; vợ là Võ Thị Như H, sinh năm 1993; có 01 con, sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không;

Về nhân thân: Ngày 12/9/2005, phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tại Bản án số 25/2006/HSST ngày 25/8/2006 của Tòa án huyện I tuyên phạt 09 tháng Cải tạo không giam giữ, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 04/2007/HSPT ngày 30/01/2007 của Tòa án tỉnh Gia Lai, y án 09 tháng Cải tạo không giam giữ; ngày 19/12/2005, phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tại Bản án số 37/2006/HSST ngày 13/12/2006 của Tòa án huyện I tuyên phạt 10 tháng tù giam, thi hành án tại Trại giam Công an tỉnh Gia Lai, ngày 26/5/2008 chấp hành xong hình phạt. (Đã được xóa án tích); ngày 03/7/2009, phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất độc*", tại Bản án số 16/2010 ngày 03/6/2010 của Tòa án huyện I, tỉnh Gia Lai tuyên phạt 15 tháng tù giam, thi hành án tại Trại giam Gia Trung, ngày 03/10/2010 chấp hành xong hình phạt. (Đã được xóa án tích).

Bị bắt ngày 30/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T20 - Công an tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 45 phút, ngày 30/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai, tiến hành bắt quả tang đối với Trịnh Xuân H và Phạm Văn T, đều có hộ khẩu thường trú tại xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai, khi H và T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại tổ 4 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Tang vật tạm giữ của H và T là 10 gói (01 gói to, 09 gói nhỏ) chất bột màu trắng, T và H khai là Heroine mua về để sử dụng, 01 điện thoại di động và 01 xe mô tô biển kiểm soát 81K7-5856.

Tại Bản kết luận giám định số 271/KLGD ngày 07/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: số chất bột ghi thu của Phạm Văn T và Trịnh Xuân H được niêm phong trong 02 bì công văn có đánh số 1 A, 1B gửi giám định là Heroine có tổng trọng lượng là 6,8729 gam.

Tại Cơ quan điều tra, T và H khai nhận: Vào sáng 30/7/2017, tại nhà của Trịnh Xuân H, gồm có: Trịnh Xuân H, Phạm Văn T, Phạm Ngọc M, Hoàng Văn Đ và Trần Văn Đ, H có nói với những người eo mặt là góp tiền đi mua ma túy về để sử dụng, tất cả đều đồng ý đi mua ma túy về sử dụng nhưng chỉ Phạm Văn T, có 2.000.000 đồng tiền mặt, lúc này do Trần Văn Đ, có mang chiếc xe mô tô của gia đình mang biển kiểm soát 81K4-5862, đi đến nhà H, do không có tiền nên Đ đưa xe cho Trịnh Xuân H đi thế chấp rồi lấy tiền đi mua ma túy về sử dụng. Trịnh Xuân H và Phạm Văn T mang chiếc xe mô tô của Đ đến nhà của Trịnh Thị H (là chị của H), sinh năm 1974, trú tại thôn xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai để thế chấp (bằng miệng). Khi H chỉ đồng ý thế chấp cho H 1.000.000 đồng thì H gọi điện thoại cho Đ để Đ và H thống nhất giá thế chấp xe mô tô là 1.000.000 đồng, sau khi lấy được 1.000.000 đồng từ việc thế chấp xe mô tô thì H và T mang đi mua ma túy, T là người chở H đi trên xe mô tô 81K7-5856. Khi T và H đi mua ma túy thì Đại, Đ và Minh ở nhà H chờ.

Trên đường đi mua ma túy thì có đối tượng L (chưa xác định được nhân thân lai lịch), gọi điện thoại cho H và nhờ H đi mua ma túy sử dụng, H đồng ý, khi T và H đi đến khu vực cầu số 3, thì L đưa cho H 1.000.000 đồng, tổng cộng là H và T có 4.000.000 đồng đi mua ma túy. Trịnh Xuân H và Phạm Văn T đi đến nhà của Trần Phi H tại xã B, thành phố P, mua 4.000.000 đồng tiền Hêrôin. Sau khi mua được ma túy H, T đi đến khu vực rừng Thông thuộc xã B, thành phố P gặp L rồi cả ba đối tượng lấy ma túy ra sử dụng và H lấy một ít ma túy ra đưa cho L, số ma túy còn lại thì Phạm Văn T cầm. Sau đó Trịnh Xuân H và Phạm Văn T đi đến tổ 4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì bị lực lượng phòng chống ma túy bắt quả tang và thu giữ tang vật là 6,8729 gam Heroine, 01 điện thoại di động và 01 xe mô tô.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo bị cáo Trịnh Xuân H, Phạm Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015; áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 đối với Trịnh Xuân H.

+ Xử phạt Trịnh Xuân H (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/7/2017.

+ Xử phạt Phạm Văn T 6 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/7/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Phi H, bị cáo Trần Văn Đ, trách nhiệm dân sự, về phần án phí; quyền kháng cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/3/2018, Bị cáo Phạm Văn T kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét lại kết quả giám định về số lượng ma túy để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 03/4/2018, Bị cáo Trịnh Xuân H kháng cáo đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét lại kết quả giám định về số lượng ma túy để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Phạm Văn T và Trịnh Xuân H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét lại kết quả giám định về số lượng ma túy để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, các bị cáo Phạm Văn T và Trịnh Xuân H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình xét xử, từ lúc thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các qui định về tố tụng hình sự.

Về nội dung: Đối với hành vi phạm tội của hai bị cáo đã rõ, các bị cáo đã khai nhận đúng như nội dung vụ án đã nêu; có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phạm Văn T và Trịnh Xuân H đã có hành vi mua 6,8792 gam ma túy để sử dụng. Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng số lượng ma túy theo kết quả giám định là 6,8792 gam là không đúng thực tế. Xét thấy, trong quá trình lập Biên bản phạm tội quả tang, niêm phong, gửi mẫu vật giám định và mở niêm phong để giám định đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo qui định pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận ý kiến đề nghị của các bị cáo. Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015; áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với Trịnh Xuân H xử phạt bị cáo H 07 năm tù, bị cáo T 06 năm tù là phù hợp, không nặng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Trịnh Xuân H và Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án đã nêu, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Đủ cơ sở khẳng định, vào ngày 30/7/2017, với mục đích để có ma túy sử dụng nên các bị cáo Trịnh Xuân H, Phạm Văn T, Trần Văn Đ và một đối tượng tên L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã cùng nhau góp tiền để mua ma túy, sau khi góp được 4 triệu đồng gồm Phạm Văn T góp 2 triệu đồng, Trần Văn Đ góp 1 triệu đồng và đối tượng tên L góp 1 triệu đồng thì Trịnh Xuân H và Phạm Văn T đã dùng toàn bộ số tiền này để mua ma túy của Trần Phi H, trên đường về thì

Trịnh Xuân H và Phạm Văn T bị Công an bắt quả tang, thu giữ trong người T 6,8792 gam Heroine; Do đó, Trịnh Xuân H và Phạm Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Điểm g Khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015.

[2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều nhận thức được ma túy là chất gây nghiện, có tác hại xấu đối với sức khỏe người sử dụng, nhiều bệnh nguy hiểm có thể lây lan qua con đường tiêm chích ma túy và cũng là nguyên nhân gây nên nhiều tội phạm khác. Vì vậy, Nhà nước quản lý hết sức chặt chẽ và nghiêm cấm việc tàng trữ, sử dụng, sản xuất trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, các bị cáo đã bất chấp pháp luật vẫn tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Hành vi của các bị cáo pH bị nghiêm trị theo pháp luật.

[3]. Bị cáo H và T kháng cáo cho rằng hàm lượng ma túy theo giám định chưa đúng, nhiều hơn với lượng ma túy các bị cáo mua. Tuy nhiên, qua kiểm tra các biên bản tố tụng đã được lập đầy đủ, đúng quy định; các bị cáo đều ký tên, xác nhận, tại phiên tòa các bị cáo cũng công nhận số lượng ma túy thu giữ của hai bị cáo là đúng; quá trình giám định các cơ quan chức năng đã thực hiện đúng các qui định của pháp luật nên không có căn cứ xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

[4]. Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem và vận dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ hối hận về việc làm sai trái của mình là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; về nhân thân, bị cáo H và T đều có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án, riêng bị cáo Trịnh Xuân H khi phạm tội đang có tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích; vì vậy, đây là tình tiết tăng nặng “tái phạm” qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đã xử phạt Trịnh Xuân H 07 năm tù, Phạm Văn T 06 năm tù là thỏa đáng, tương xứng với hành vi của các bị cáo.

[5]. Từ những phân tích trên, các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với Tòa án cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận; ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp, cần chấp nhận; bác yêu cầu kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[6]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo pH chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015; áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với Trịnh Xuân H; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trịnh Xuân H và Phạm Văn T.
2. Giữ nguyên quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo Trịnh Xuân H và Phạm Văn T của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân H (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/7/2017.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 6 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/7/2017.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

Buộc mỗi bị cáo Trịnh Xuân H và Phạm Văn T pH nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam T20;
- Bị cáo;
- Lưu trữ, HSVA, Phòng HCTP.

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông